

Bản án số: 344/2022/DS-PT

Ngày: 24/11/2022

V/v: *Tranh chấp thừa kế tài sản và hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các thẩm phán:

Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Đặng Văn Hưng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Hoàng Minh Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 64/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” do có kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10504/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 76 Hoàng Thiết T, phường Bắc S, quận Kiến A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bà Huỳnh Thị P1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 04/09/52/261 Trần Nguyên H, phường Nghĩa X, quận Lê C, thành phố Hải Phòng (địa chỉ mới: Số 21A/82 Vũ Chí T, phường Lê C, quận Lê C, thành phố Hải Phòng); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đỗ Văn N, Công ty luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 48 phố Minh Đ, khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng (địa chỉ mới: Số 48 phố Cự Đ, khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng), có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thành C - Chủ tịch UBND huyện Tiên L. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Phó trưởng phòng Lao động- Thương binh và Xã hội (trước đây là Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Tiên L), vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Văn bản ủy quyền số 1774/UBND-TNMT ngày 02/8/2022).

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ: Số 2 Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Tiên L, Đông Hải Phòng; địa chỉ: Thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị T - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Tiên L, Đông Hải Phòng, vắng mặt.

3. Chị Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1996 và anh Hoàng Văn K; địa chỉ: Số 48, phố Minh Đ, khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng (địa chỉ mới: Số 48 phố Cự Đ, khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị L và chị Ngọc A, anh K: Các Luật sư Phạm Ngọc K1, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Quỳnh M, Văn phòng luật sư Gia K, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị P và bà Huỳnh Thị P1 trình bày:

Bố mẹ đẻ các bà là cụ Huỳnh Hữu H (mất năm 2004) và cụ Nguyễn Thị B (mất năm 2001) có 03 người con gồm: Huỳnh Thị P, Huỳnh Thị P1 và Huỳnh Hữu Đ1, sinh năm 1976 (đã chết năm 2015). Hai cụ không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông Huỳnh Hữu Đ1 có vợ là bà Phạm Thị L, sinh năm 1976 và có 01 con là chị Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1996.

Khi còn sống, hai cụ có tạo dựng được 01 căn nhà 01 tầng mái bằng, một số công trình phụ, bể nước và 01 nhà ngang lợp ngói đỏ trên diện tích 142m² thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48, khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, Hải Phòng.

Năm 1982, bà P đi lấy chồng. Năm 1983, bà P1 đi lấy chồng, chỉ còn ông Đ1 ở cùng bố mẹ trên diện tích đất này. Năm 1995, ông Đ1 kết hôn với bà L, sống chung cùng với bố mẹ. Năm 1998, bà L bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2002 bà L mới về. Trước khi bà L trở về, bà P1 sửa lại mặt nhà tầng 1 (đổ trần và làm cửa xếp).

Năm 2001, cụ Nguyễn Thị B chết không để lại di chúc. Năm 2002, cụ

Huỳnh Hữu H lập di chúc, gửi cho hai bà mỗi người một bản photo di chúc và cụ có dặn là đã gửi bản chính di chúc đến UBND thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng. Theo bản di chúc cụ H đã gửi cho bà P1, bà P thì có bút tích xác nhận đã nhận di chúc của bà Vũ Thị K2, sinh năm 1957, nguyên Phó Chủ tịch UBND thị trấn Tiên L, địa chỉ: Khu I, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, Hải Phòng vào ngày 25 tháng 6 năm 2002 và ngày 26 tháng 6 năm 2002 chuyển cho ông Lê B1, nguyên là Phó Chủ tịch UBND thị trấn Tiên L, địa chỉ: Khu 3 thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng.

Năm 2008, ông Đ1 và L đã sửa lại nhà, xây thêm tầng 2 căn nhà chính và coi nói căn nhà ngang, nối liền với nhà chính. Đối với các công trình phụ và giếng nước cũ thì ông Đ1, bà L đã phá bỏ hết và xây dựng công trình phụ vào bên trong.

Năm 2015, ông Huỳnh Hữu Đ1 chết, bà L làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) đối với diện tích đất nói trên cho bà Phạm Thị L. Khi đó UBND thị trấn Tiên L gọi cho bà P và bà P1 thì hai bà mới biết sự việc ông Huỳnh Hữu Đ1 đã tự ý làm GCNQSDĐ đối với diện tích đất của bố mẹ đứng tên ông Đ1 từ năm 2007 mà không được sự đồng ý của hai bà.

Do bản di chúc gốc của cụ H đã bị thất lạc, nên các bà không yêu cầu chia di sản của cụ H theo di chúc nữa và yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Tiên L cấp ngày 15 tháng 01 năm 2007 mang tên ông Huỳnh Hữu Đ1 và bà Phạm Thị L thừa đất số 203, tờ bản đồ số 48, diện tích 142m²; chia di sản thừa kế của bố mẹ là cụ Huỳnh Hữu H và cụ Nguyễn Thị B theo quy định của pháp luật bao gồm quyền sử dụng diện tích đất 142m² nói trên và giá trị tầng 1 của căn nhà hai tầng hiện nay gia đình bà L đang ở.

Các bà đồng ý với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá và đề nghị Tòa án giải quyết theo kết quả định giá.

Bị đơn là bà Phạm Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân và huyết thống như trình bày của nguyên đơn. Năm 1995, bà L kết hôn với ông Đ1, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán. Năm 1996, vợ chồng bà sinh được cháu Huỳnh Thị Ngọc A. Năm 2003 mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà ở cùng với bố mẹ chồng. Tài sản tranh chấp là của cụ H và cụ B để lại, nhưng hai cụ đã cho vợ chồng bà L thừa đất trên. Năm 2000, bà L đi vào Sài Gòn học nghề trong thời gian 03 năm, thi thoảng vẫn đi về thăm nhà, thăm con. Năm 2003, bà L học nghề xong về mở cửa hàng kinh doanh ở nhà.

Năm 2001, cụ Nguyễn Thị B chết, không để lại di chúc. Trong thời gian hai cụ còn sống, hai cụ vẫn nói là đã lo cho hai con gái là bà P, bà P1 đầy đủ nên nhà và đất này để lại cho vợ chồng bà để sử dụng.

Năm 2006, địa phương có chủ trương cấp GCNQSDĐ, vợ chồng bà đã làm thủ tục và năm 2007 được UBND huyện Tiên L cấp GCNQSDĐ diện tích 142m²,

thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 48 tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng đứng tên vợ chồng bà là ông Huỳnh Hữu Đ1 và bà là Phạm Thị L. Bà P1 và bà P biết, nhưng không có ý kiến phản đối.

Về tài sản trên đất: Khi bà L về sống với bố mẹ chồng, hai cụ đã tạo dựng được 02 gian nhà cấp 4 và một số công trình phụ, bể nước và 01 nhà ngang lợp ngói đỏ trên diện tích 142m² thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 48, khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng.

Năm 2007, sau khi được cấp GCNQSDĐ vợ chồng bà đã sửa lại nhà, xây thêm tầng 2 căn nhà chính và coi nơi căn nhà ngang, nối liền với nhà chính. Đối với các công trình phụ và giếng nước cũ thì phá bỏ toàn bộ và xây dựng công trình phụ vào bên trong nhà. Nhà 02 gian là do bố mẹ chồng bà xây, sau khi được cấp GCNQSDĐ năm 2007, bà L xây mới thêm tầng 2, đồng thời làm lại công trình phụ cũ và xây dựng nhà cấp 4 nên nhà 02 gian cũ chỉ còn phần cốt. Năm 2020, chị Ngọc A cải tạo toàn bộ nhà để làm nơi kinh doanh quần áo.

Chị Ngọc A đang vay vốn tại Ngân hàng nên Ngân hàng đang giữ GCNQSDĐ đứng tên ông Đ1, bà L (không phải thế chấp).

Trước khi các cụ mất thì các vụ vẫn khẳng định là để lại nhà đất cho vợ chồng bà L ở và làm nơi thờ cúng.

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 2007, cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu Đ1 và bà Phạm Thị L. Theo Sổ hộ khẩu thì hộ ông Đ1, bà L gồm có ông Đ1, bà L và chị Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1996. Ông Đ1, bà L chỉ có 01 con chung là chị Ngọc A, ngoài ra không có con riêng, con nuôi, con nhận nào khác.

Bà L đồng ý với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá. Bà L đi làm ăn trong thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2018 đến nay.

Bà L xác định bố mẹ chồng bà L đã cho vợ chồng bà L toàn bộ nhà, đất nói trên và UBND huyện Tiên L cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bà P1 sống gần nhà bà L và cùng làm thủ tục cấp GCNQSDĐ tại thời điểm đó nên bà P1 biết việc cấp GCNQSDĐ của vợ chồng bà L, nhưng bà P1 không có ý kiến phản đối hay ngăn cản. Việc cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà phù hợp với nguyện vọng của bố mẹ chồng bà khi còn sống. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà P và bà P1.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Hoàng Văn K trình bày:** Tài sản tranh chấp là của ông bà nội chị Ngọc A để lại cho bố mẹ chị và bố mẹ chị đã được cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật. Chị là Huỳnh Thị Ngọc A là con chung duy nhất của ông Đ1, bà L. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 2007 thì chị được 11 tuổi. Mẹ chị có nói là khoảng năm 2000, mẹ chị vào miền Nam học nghề một thời gian đến năm 2003 mẹ chị trở về và kinh doanh áo cưới tại nhà. Từ cuối năm 2018 đến nay, mẹ chị vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, thỉnh thoảng có về thăm nhà.

Về tài sản trên đất: Trên đất trước đây có 01 căn nhà 02 gian mái bằng và công trình phụ phía sau. Năm 2007, mẹ chị xây thêm tầng 2 và sửa lại phần công trình phụ phía sau. Năm 2020, chị và mẹ chị đã sửa sang toàn bộ căn nhà, điện nước, tường, mái tôn, biển hiệu.

Vợ chồng chị đồng ý với kết quả định giá tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện UBND huyện Tiên L trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp được giao trước năm 1985 cho cụ Huỳnh Hữu H (là bố đẻ của ông Huỳnh Hữu Đ1). Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH341065, vào sổ cấp giấy số H03028 ngày 15 tháng 01 năm 2007 mang tên hộ ông Huỳnh Hữu Đ1, bà Phạm Thị L.

Về nguồn gốc đất: Bản đồ đo đạc tháng 10 năm 1995 thể hiện tại thửa 205 diện tích 137m², loại đất thổ cư. Sổ mục kê đất đai năm 1995 thể hiện: Tại trang số 132, tờ bản đồ số 36, thửa đất số 205, diện tích 137m², loại đất thổ cư mang tên cụ Huỳnh Hữu H. Bản đồ đo đạc năm 1998 thể hiện thửa đất 203 diện tích đất 142,2m², loại đất thổ cư. Sổ mục kê đất đai năm 1998 thể hiện: Tại trang số 09, tờ bản đồ số 48, thửa đất số 203, diện tích 142m², loại đất thổ cư, mang tên cụ Huỳnh Hữu H.

Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần nội dung nguồn gốc sử dụng đất đều ghi: Đất do xã giao năm 1980. Năm 2000 bố mẹ ông Đ1 mất, ông Đ1 là con trai duy nhất, đã có tên trong hồ sơ địa chính. Tuy nhiên, trong hồ sơ quản lý đất đai của UBND thị trấn Tiên Lãng thể hiện tên người sử dụng là cụ Huỳnh Hữu H. Cụ Huỳnh Hữu H có 3 người con gồm: Bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị P1 và ông Huỳnh Hữu Đ1. Trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện việc cụ Huỳnh Hữu H chuyển quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hữu Đ1 hoặc văn bản thể hiện ý kiến của những người đồng thừa kế khác là bà P và bà P1 đồng ý cho ông Đ1, bà L được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Huỳnh Thị P, Huỳnh Thị P1. Do vậy, bà P, bà P1 có yêu cầu xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giải quyết quyền lợi của người đồng thừa kế là có cơ sở. Đề nghị Tòa án xem xét các quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Nếu Tòa án có căn cứ phân chia di sản thừa kế, thì UBND huyện sẽ thu hồi GCNQSDĐ theo phán quyết của Tòa án. Trong GCNQSDĐ cấp năm 2007 ghi tên người sử dụng đất là hộ ông Đ1, bà L là căn cứ vào hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ, trong đơn đăng ký ghi là hộ ông Đ1, bà L. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, hộ ông Đ1, bà L chỉ có ông Đ1, bà L và con ông bà là chị Huỳnh Thị Ngọc A.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Tiên L, Đông Hải Phòng trình bày: Năm 2016, hộ gia đình bà Phạm Thị L có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

(sau đây gọi tắt là Ngân hàng Agribank) - Chi nhánh huyện Tiên L, Đông Hải Phòng số tiền là 100.000.000 đồng. Năm 2020, con gái bà L là Huỳnh Thị Ngọc A vay 100.000.000 đồng. Đến nay dư nợ còn lại là 70.000.000 đồng. Để chứng minh năng lực tài chính và đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hộ gia đình bà Phạm Thị L đã giao cho Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Tiên L, Đông Hải Phòng GCNQSDĐ nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị P và bà Huỳnh Thị P1: Chia di sản thừa kế là nhà trên diện tích 141m², thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 48, khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng. Cụ thể việc phân chia như sau:

- Giao cho bà Huỳnh Thị P1 quản lý sử dụng diện tích đất 141m² và toàn bộ tài sản, công trình vật kiến trúc trên đất tại khu II thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng tổng trị giá là 6.494.444.662 đồng (sáu tỉ, bốn trăm, chín tư triệu, bốn trăm bốn bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng), bao gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Huỳnh Thị P1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Huỳnh Thị P 1.600.000.000 đồng (một tỉ sáu trăm nghìn đồng).

- Bà Huỳnh Thị P1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị L, chị Ngọc A là 3.294.444.662 đồng (ba tỉ, hai trăm, chín tư triệu, bốn trăm bốn bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Bà Huỳnh Thị P1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 341065 do UBND huyện Tiên L cấp ngày 15 tháng 01 năm 2007 cho ông Huỳnh Hữu Đ1 và bà Phạm Thị L.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2021 và ngày 06/10/2021, bị đơn là bà Phạm Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Ngọc A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do Tòa án sơ thẩm trích công sức 21m² đất là chưa đảm bảo quyền lợi của mẹ con bà L, đề nghị trích công sức bằng 01 kỷ phần thừa kế và giao cho bà P1 nhận toàn bộ di sản thừa kế bằng hiện vật trong khi bà P, bà P1 có nhiều nhà đất, còn mẹ con bà L không có chỗ ở khác là không phù hợp với thực tế, không xem xét đến điều kiện sống của mẹ con bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thống nhất về quan hệ huyết thống, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế, trích công sức bảo quản di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm. Nguyên đơn là

bà Huỳnh Thị P, Huỳnh Thị P1 và bị đơn là bà Phạm Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Ngọc A, anh Hoàng Văn K đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Thống nhất xác định thửa số 203, tờ bản đồ số 48 diện tích 141m² tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Huỳnh Hữu H và cụ Nguyễn Thị B.

- Thống nhất bà Phạm Thị L, chị Huỳnh Thị Ngọc A sẽ nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và bà Phạm Thị L, chị Huỳnh Thị Ngọc A thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền mặt cho bà P1, bà P ngay tại phiên tòa trước sự chứng kiến của Hội đồng xét xử và các luật sư bảo vệ quyền lợi cho các bên đương sự.

- Bà Huỳnh Thị P1 và bà Huỳnh Thị P đồng ý giao di sản thừa kế bằng hiện vật cho bà L, chị Ngọc A và cam kết không có ý kiến, thắc mắc sau khi bà Phạm Thị L, chị Huỳnh Thị Ngọc A thanh toán đầy đủ giá trị 02 kỷ phần thừa kế cho bà P1 và bà P theo quyết định của Tòa án sơ thẩm với số tiền là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm triệu đồng).

- Bà Phạm Thị L đồng ý nhường phần thừa kế của mình cho vợ chồng con gái là chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Hoàng Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án tuyên giao cho chị Ngọc A và anh K có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí do Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật.

- Hai bên thống nhất đã giao, nhận xong số tiền 3.200.000.000 đồng, có lập giấy nhận tiền ngày 24/11/2022 có đầy đủ chữ ký, điểm chỉ của các bên đương sự kèm theo.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Huỳnh Thị P1 và bà Huỳnh Thị P xác định tài sản trên đất của bố mẹ chỉ còn phần cốt, không còn giá trị, căn nhà hiện nay do mẹ con bà L sửa chữa nhiều lần và xây dựng mới thêm nên sau khi xét xử các bà không kháng cáo bản án sơ thẩm và đồng ý xác định tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của mẹ con bà L, chị Ngọc A. Bà L và chị Ngọc A đồng ý xác định toàn bộ nhà, đất tại thửa số 203, tờ bản đồ số 48 là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Hoàng Văn K. Vợ chồng chị Ngọc A, anh K được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Hoàng Văn K.

Các Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án và nghe kết quả thỏa thuận của các đương sự đã kết luận: Việc thỏa

thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thời hạn và thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị L và chị Huỳnh Thị Ngọc A đảm bảo thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện Tiên L - Đông Hải Phòng không có kháng cáo vắng mặt không có lý do. UBND huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa, các Luật sư bảo vệ quyền lợi của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đây là phiên tòa mở lần thứ 2, đương sự vắng mặt không có kháng cáo và đã được triệu tập hợp lệ nên quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Cụ Huỳnh Hữu H (chết năm 2004) và cụ Nguyễn Thị B(chết năm 2001). Hai cụ có 03 người con chung là bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị P1 và ông Huỳnh Hữu Đ1 (chết năm 2015, có vợ là bà Phạm Thị L và có 01 con là chị Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1996).

Cụ B chết không để lại di chúc. Căn cứ lời khai của bà P, bà P1 và biên bản xác minh đối với ông Lê B1, bà Vũ Thị K2 - đều là nguyên Phó Chủ tịch UBND thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng thì có việc cụ H lập di chúc để định đoạt tài sản, nhưng hiện nay các đương sự không cung cấp được bản chính bản di chúc và xác minh tại UBND thị trấn Tiên L không lưu giữ bản gốc di chúc của cụ H. Các nguyên đơn xác định do không còn bản chính bản di chúc nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Các bên đương sự đều thừa nhận thừa số 203 diện tích 142m² đất thổ cư (diện tích thực tế 141m²), tờ bản đồ số 48, khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là của vợ chồng cụ H, cụ B. Trên đất có 01 căn nhà 01 tầng mái bằng, công trình phụ, giếng nước của hai cụ. Năm 2008, vợ chồng ông Đ1, bà L (là con trai của hai cụ) sống chung cùng 02 cụ đã xây thêm tầng 2 của nhà chính và coi nơi nhà ngang nối liền với nhà chính, phá hết các công trình

phụ, giếng nước để xây dựng công trình phụ vào bên trong.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng khi còn sống vợ chồng cụ H, cụ B đã cho vợ chồng bà toàn bộ diện tích đất trên, nhưng không có giấy tờ tặng cho. Trên cơ sở đó, vợ chồng bà đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đ1, bà L không có tài liệu thể hiện sự chuyển dịch tài sản từ vợ chồng cụ H, cụ B cho vợ chồng ông Đ1, bà L hoặc văn bản của các đồng thừa kế khác đồng ý tặng cho kỷ phần được hưởng cho vợ chồng ông Đ1, bà L.

Do căn nhà 01 tầng của vợ chồng cụ H xây dựng đã lâu và vợ chồng ông Đ1 đã xây thêm tầng, coi nói, sửa chữa nhiều lần, làm lại toàn bộ công trình phụ, các bên thừa nhận giá trị tài sản trên đất của các cụ chỉ là phần cốt ở tầng 1 và không thể bóc tách riêng được, giá trị không nhiều nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định diện tích 141m² đất thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48 là di sản thừa kế của cụ H, cụ B để chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Khi giải quyết chia thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế, trích công sức bảo quản di sản và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Theo đó, trích công sức cho bà L và chị Ngọc A 21m² đất, diện tích đất còn lại là 120m² được chia đều cho 03 thừa kế, mỗi người được hưởng 40m² đất trị giá 1.600.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, khi phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà P1 quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất nêu trên, bà P1 có trách nhiệm thanh toán bằng giá trị cho bà P, bà L và chị Ngọc A trong khi bà P, bà P1 đã có nhà ở ổn định, còn vợ chồng chị Ngọc A (con ông Đ1, là người hưởng phần thừa kế của ông Đ1) đang quản lý, sử dụng nhà đất trên để ở và kinh doanh, không có nơi ở nào khác là không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thống nhất về quan hệ huyết thống, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế, trích công sức bảo quản di sản và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị P1, bà Huỳnh Thị P và bị đơn là bà Phạm Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Ngọc A, anh Hoàng Đức K đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo đó, các bên thống nhất xác định thửa số 203, tờ bản đồ số 48 diện tích 141m² tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Huỳnh Hữu H và cụ Nguyễn Thị B. Bà Huỳnh Thị P1 và bà Huỳnh Thị P đồng ý giao toàn bộ di sản thừa kế bằng hiện vật là diện tích 141m² đất thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48 tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng cho bà Phạm Thị L và chị Huỳnh Thị Ngọc A quản lý, sử dụng. Bà Phạm Thị L và chị Huỳnh Thị Ngọc A nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán giá trị 02 kỷ phần thừa kế theo quyết định của Tòa án sơ thẩm số tiền là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm triệu đồng) cho bà P và bà P1 ngay tại phiên tòa phúc thẩm. Toàn bộ tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất là do bà Phạm Thị L và vợ chồng chị Ngọc A, anh Hoàng Văn K sửa chữa và xây mới nên các tài sản, công trình, vật

kiến trúc trên đất thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị L và vợ chồng chị Huỳnh Thị Ngọc A, anh Hoàng Văn K. Bà P và bà P1 cam kết không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại sau khi nhận đầy đủ tiền thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng từ bà L và chị Ngọc A. Bà Phạm Thị L đồng ý nhường phần thừa kế được hưởng, phần diện tích đất là di sản thừa kế mà bà L và chị Ngọc A được giao quản lý, sử dụng và phân tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của bà L cho vợ chồng con gái là chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Hoàng Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị Ngọc A đồng ý xác định toàn bộ tài sản trên đất và diện tích 141m² đất thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48 tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng chị và đồng ý vợ chồng chị cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về án phí đề nghị Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên ông Huỳnh Hữu Đ1 và bà Phạm Thị L thấy: UBND huyện Tiên L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên ông Huỳnh Hữu Đ1 và bà Phạm Thị L đối với diện tích đất là di sản thừa kế của vợ chồng cụ H, cụ B nhưng không có văn bản thể hiện sự đồng ý chuyển dịch của hai cụ hoặc các đồng thừa kế khác cho vợ chồng ông Đ1, bà L là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như đã phân tích nêu trên. Bà Phạm Thị L đồng ý nhường phần thừa kế được hưởng, phần diện tích đất là di sản thừa kế mà bà L và chị Ngọc A được giao quản lý, sử dụng và tặng cho phần tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của bà L cho vợ chồng chị Ngọc A, anh K. Chị Ngọc A đồng ý xác định diện tích đất và tài sản, công trình trên đất thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48 tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng là tài sản chung vợ chồng nên vợ chồng chị Ngọc A, anh K được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc thỏa thuận của bà Huỳnh Thị P, Huỳnh Thị P1 và bà Phạm Thị L, chị Huỳnh Thị Ngọc A, anh Hoàng Văn K là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

[3] Về án phí: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc Hội, bà Phạm Thị L và chị Huỳnh Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và chỉ xác định lại người được nhận thừa kế bằng hiện vật, giá trị kỷ phần thừa kế các đương sự không thay đổi nên không phải xác định lại án phí dân sự sơ thẩm, cần giữ nguyên án phí sơ thẩm như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DSST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1- Xác định thửa số 203, tờ bản đồ số 48 diện tích $141m^2$ tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Huỳnh Hữu H và cụ Nguyễn Thị B.

2- Thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế: Cụ Huỳnh Hữu H (chết năm 2004) và cụ Nguyễn Thị B (chết năm 2001) có 03 người con là bà Huỳnh Thị P1, bà Huỳnh Thị P và ông Huỳnh Hữu Đ. Ông Huỳnh Hữu Đ chết năm 2015, có vợ là bà Phạm Thị L và 01 con là chị Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1996.

3- Trích công sức bảo quản di sản cho gia đình ông Huỳnh Hữu Đ1, bà Phạm Thị L và chị Huỳnh Thị Ngọc A $21m^2$ đất. Diện tích $120m^2$ đất còn lại là di sản thừa kế.

4- Phân chia di sản thừa kế: $120m^2$ đất : 03 thừa kế = $40m^2$ /01kỷ phần thừa kế. Giá trị 01 kỷ phần $40m^2$ đất x $40.000.000$ đồng/ m^2 = $1.600.000.000$ đồng (Một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

- Bà Phạm Thị L và chị Ngọc A được nhận chung 01 kỷ phần thừa kế là $40m^2 + 21m^2$ trích công sức = $61m^2$ đất, trị giá $2.440.000.000$ đồng.

- Bà Huỳnh Thị P và bà Huỳnh Thị P1, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là $40m^2$ đất, trị giá $1.600.000.000$ đồng.

5- Bà Huỳnh Thị P1 và bà Huỳnh Thị P đồng ý giao toàn bộ di sản thừa kế bằng hiện vật là $141m^2$ thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48 tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng cho bà Phạm Thị L và chị Huỳnh Thị Ngọc A quản lý, sử dụng và cam kết không khiếu nại, thắc mắc sau khi nhận đủ giá trị kỷ phần thừa kế mà bà P và bà P1 được hưởng.

- Bà Phạm Thị L và chị Huỳnh Thị Ngọc A phải có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền mặt theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm ($1.600.000.000$ đồng (một tỷ, sáu trăm triệu đồng)/01 kỷ phần thừa kế) cho bà Huỳnh Thị P1 và bà Huỳnh Thị P.

6- Giao cho bà Phạm Thị L và chị Huỳnh Thị Ngọc A quản lý, sử dụng diện tích $141m^2$ thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48 tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng (theo sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

7- Xác nhận bà Phạm Thị L và chị Huỳnh Thị Ngọc A đã thanh toán giá trị

02 kỷ phần thừa kế cho bà Huỳnh Thị P1 và bà Huỳnh Thị P với tổng số tiền là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm triệu đồng) tại phiên tòa phúc thẩm theo Giấy nhận tiền ngày 24/11/2022 và Biên bản thỏa thuận ngày 24/11/2022, có đầy đủ chữ ký, điểm chỉ của các bên đương sự. Theo đó, bà Huỳnh Thị P1 nhận số tiền là 1.600.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm triệu đồng) và bà Huỳnh Thị P nhận số tiền là 1.600.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

8- Xác định toàn bộ tài sản, công trình, vật kiến trúc trên diện tích 141m² đất thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48 tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng do bà Phạm Thị L và vợ chồng chị Huỳnh Thị Ngọc A, anh Hoàng Văn K sửa chữa, xây dựng thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị L và vợ chồng chị Huỳnh Thị Ngọc A, anh Hoàng Văn Kiên. Bà Phạm Thị L và vợ chồng chị Huỳnh Thị Ngọc A, anh Hoàng Văn K được tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất.

9- Ghi nhận bà Phạm Thị L đồng ý nhường phần thừa kế được hưởng từ kỷ phần thừa kế mà ông Huỳnh Hữu Đ1 (là chồng bà L) được hưởng từ di sản thừa kế của cụ Hạ, cụ B; phần diện tích đất là di sản thừa kế của cụ H, cụ B mà bà L và chị Ngọc A được giao quản lý, sử dụng và tặng cho phần tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của bà L cho vợ chồng chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Hoàng Văn K.

10- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Ngọc A đồng ý nhập diện tích 141m² đất thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48 tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng vào tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Hoàng Văn K.

11- Xác định toàn bộ tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất và diện tích 141m² đất thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48 tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Hoàng Văn K.

12- Giao cho chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Hoàng Văn K quản lý, sử dụng diện tích 141m² đất thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 48 tại khu II, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng và toàn bộ tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất (theo sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

13- Chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Hoàng Văn K được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

14- Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000043 ngày 13/10/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Huỳnh Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000042 ngày 13/10/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên quyết định án phí của Tòa án cấp sơ thẩm, cụ thể như sau: Bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị P1 mỗi người phải chịu 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018765, 0018766 ngày 25/02/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà P và bà P1, mỗi người còn phải nộp 33.000.000 đồng.

Bà Phạm Thị L và chị Huỳnh Thị Ngọc A phải chịu 97.888.893 đồng (Chín mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

15- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hải Phòng;
- Cục THADS tp Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Phương Hạnh